TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2025
"Về tranh chấp Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Chí Cường, bà Sùng Thị Sinh

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Mua Mí Chứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*** *tham gia phiên tòa*: ông Vàng Mí Chứ– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Vừ Thị K, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện M, tỉnh H;

CCCD số 00..., Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ...; xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Lầu Mí P, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn C1, xã L1, huyện M, tỉnh H;

Số định danh cá nhân: 00...; Vắng mặt không lý do.

* *Người làm chứng*: Lầu Mí S, sinh năm 2003, địa chỉ: thôn C1, xã L1, huyện M, tỉnh H; vắng mặt

* *Người phiên dịch*: Vàng Minh Chương, sinh năm 1978, địa chỉ: thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2024, các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vừ Thị K trình bày:

Bà và ông Lầu Mí P kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện M, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện của đôi bên vợ chồng. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau trong công việc làm ăn trong gia đình, không ai nghe ai, ai thích làm gì thì làm, đi đâu thì đi, dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy bà đề nghị được ly hôn với ông Lầu Mí P.

Vợ chồng bà có bốn con chung là Lầu Mí S sinh ngày .., Lầu Mí M1 sinh ngày ..., Lầu Thị L2 sinh ngày ..., Lầu Thị M2 sinh ngày ... Các con đã lớn tùy theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì ở. Các con Lầu Mí S, Lầu Mí M1, Lầu Thị L2 thường ở với bố, Lầu Thị M2 đang ở cùng bà. Hai con Lầu Mí S, Lầu Mí M1 đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, còn bà mong muốn được nuôi cháu Lầu Thị M2 và ông P nuôi cháu Lầu Thị L2 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng bà không có, không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025 bị đơn Lầu Mí P trình bày: Ông và bà Vừ Thị K kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạn phúc đến năm 2017 vợ ông đi làm thuê ở Trung Quốc từ đó vợ chồng mới không còn tình cảm với nhau nữa. Trong cuộc sống vợ chồng ông thỉnh thoảng có chửi nhau chỉ về việc làm ăn trong gia đình. Sau khi vợ bỏ đi lấy chồng khác thì ông cũng lấy vợ khác. Hiện tại ông vẫn còn tình cảm với vợ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung vợ chồng ông có 04 con như bà K trình bày, ông không đồng ý ly hôn nên ông không cho con nào cho bà Vừ Thị K.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng ông không có.

Ông không có đề nghị gì.

Người làm chứng Lầu Mí S: anh là con chung của bà Vừ Thị K và ông Lầu Mí P, hiện tại anh đã lấy vợ và ra ở riêng, còn Lầu Mí M2 đang ở cùng bố (M2 đi làm công nhân ở ngoài tỉnh), Lầu Thị L2 đã đi lấy chồng ở Trung Quốc và không liên lạc được, Lầu Thị M2 đang ở với mẹ. Do anh lấy vợ về bố mẹ anh không có tiền nên xảy ra việc cãi nhau, mẹ anh bỏ đi Trung Quốc làm thuê và khi về Việt Nam mẹ đi lấy chồng khác, còn bố anh hiện tại cũng lấy vợ khác, bố mẹ anh không ở cùng nhau nữa. Anh có biết việc bố mẹ anh ly hôn, anh không có ý kiến gì.

Cháu Lầu Thị M2 có ý kiến muốn được ở với mẹ.

Qua xác minh tại địa phương, xã không nắm được nguyên nhân lý do mâu thuẫn gia đình bà K ông P, chỉ sau này bà K đi làm thuê Trung Quốc quay về Việt Nam bà K có đến UBND xã xin giấy tờ có liên quan để làm thủ tục ly hôn thì xã mới biết bà K có mâu thuẫn vợ chồng. Việc ông P lấy vợ mới không báo thôn, xã, không tổ chức gì nên địa phương không nắm được.

Xác minh tại thôn, trong cuộc sống vợ chồng bà K ông P thường xuyên cãi chửi nhau, lý do cãi chửi nhau là do con trai của vợ chồng bà lấy vợ về do gia đình không có tiền nên mới xảy ra việc cãi nhau, dẫn đến bà K bỏ đi Trung Quốc làm thuê, khi bà K quay về Việt Nam và đi lấy chồng khác nên không về nhà của vợ chồng bà K ông P nữa.

Xác minh tại địa phương, cháu Lầu Thị L2 hiện tại không có mặt tại địa phương, không có thông tin liên lạc gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi thông báo việc thụ lý vụ án ông Lầu Mí P không phản hồi, gửi giấy triệu tập ông Lầu Mí P không đến làm việc, gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông

Lầu Mí P cũng không đến, vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, điều 28, 35, 39, 147, 227, 229, 271, 273 BLTTDS, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vừ Thị K, cho bà K ly hôn; về con chung giao cháu Lầu Thị M2 sinh ngày .../.../2011 cho bà vừ Thị K nuôi dưỡng, giao cháu Lầu Thị L2 sinh ngày .../.../2007 cho ông Lầu Mí P nuôi dưỡng, tài sản chung, công nợ chung không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét; bà Vừ Thị K chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Vừ Thị K yêu cầu được ly hôn với ông Lầu Mí P, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Bị đơn Lầu Mí P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông Lầu Mí P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do và không có ý kiến gì, nguyên đơn Vừ Thị K đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Vừ Thị K và ông Lầu Mí P xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2004 tại UBND xã L1, huyện M, tỉnh Hà Giang, là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vừ Thị K: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà xảy ra từ năm 2017 do không có tiếng nói chung, hiện tại hai ông bà không chung sống cùng nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, bà Vừ Thị K kiên quyết xin ly hôn, thấy rằng đời sống chung vợ chồng ông bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà Vừ Thị K là có cơ sở được chấp nhận, theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Con chung: Hai con lớn Lầu Mí S, Lầu Mí M1 đã trưởng thành không xem xét. Cháu Lầu Thị M2 muốn ở với mẹ và hiện tại cháu đang ở với mẹ, nên

giao cháu Lầu Thị M2 cho bà Vừ Thị K nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Lầu Thị L2 thường ở với bố, tuy không hỏi được ý kiến của cháu muốn ở với ai, nhưng xét trên thực tế giao cháu cho ông Lầu Mí P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông P bà K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[6] Tài sản chung: ông bà không có, bà K không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Công nợ chung: ông bà không có, bà K không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: bà Vừ Thị K phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; khoản 1 điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; 147; khoản 2 điều 227; 229; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phía Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho bà Vừ Thị K được ly hôn với ông Lầu Mí P.

2. Con chung:

Giao cháu Lầu Thị M2 sinh ngày .../../2011 cho bà Vừ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Lầu Thị L2 sinh ngày ../.../2007cho ông Lầu Mí P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Lầu Mí P, bà Vừ Thị K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: ông bà không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công nợ chung: Không có, không xem xét.

5. Án phí: bà Vừ Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dã nộp theo Biên lai số 0003764 ngày 20/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Lũng Pù);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Yên